

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2023/DS-PT

Ngày: 25- 9-2023

V/v : “Tranh chấp bồi thường thiệt
hại về tài sản trong hợp đồng vận
chuyển hàng hóa”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Túc

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thu Phương

Ông Nguyễn Đức Dũng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Tấn Thịnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Quảng Ngãi.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi:** Bà Huỳnh Thị Tuyết
Nhưng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, Tòa
án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:
47/2023/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023 về việc: “Tranh chấp bồi thường
thiệt hại về tài sản trong hợp đồng vận chuyển hàng hóa.”

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023
của Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 89/2023/QĐPT-DS
ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Bà Ngô Thị N, sinh năm 1970

2. Ông Trần T, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: Thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Trần Thị L, sinh năm 1977

4. Bà Võ Thị H, sinh năm 1974

5. Bà Lê Thị D, sinh năm 1954

6. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1982

7. Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Ông Phùng Văn H1, sinh năm 1954

Địa chỉ: Thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

9. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968

Địa chỉ: thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị H, Lê Thị D, Nguyễn Thị C, Bùi Thị T1, Nguyễn Thị M là bà Ngô Thị N theo hợp đồng ủy quyền số công chứng 000520 quyền số 01/2023/TP /CC –SCC/HĐGD ngày 28 tháng 08 năm 2023

- *Bị đơn*: Ông Dương Quang Q, sinh năm 1955

Địa chỉ: Thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1983

2. Ông Ngô T3, sinh năm 1977

3. Ông Phan C1, sinh năm 1949

4. Ông Đặng Văn T4, sinh năm 1972

5. Ông Lê Sơn H2, sinh năm 1968

6. Ông Dương Quang C2, sinh năm 1981

7. Ông Ngô C3, sinh năm 1949

Cùng địa chỉ: Thôn T, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

8. Ông Huỳnh Ngọc T5, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn Đ, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kháng cáo: Ông Dương Quang Q

Tại phiên tòa bà N, ông T, ông H1, ông Q, ông T4, ông C1 có mặt, ông T2, ông T3, ông H2, ông C2, ông C3, ông T5 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa các nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (bà Ngô Thị N) là luật sư Phạm Thị Bích C4 trình bày:*

Vào ngày 28/3/2019, bà N có mua hành giống lần lượt của các bà Phạm Thị P, Võ Thị M1 và Đinh Thị Mai T6 ở Xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận với tổng số lượng hành giống là 323 bao mỗi bao 50 kg, với giá 01kg là 33.000đ (ba

mười ba ngàn đồng), cụ thể bà N mua hành của bà P là 163 bao, mua của bà M1 là 80 bao và của bà T6 80 bao. Vậy tổng giá trị của 03 đơn hàng là **532.950.000đ** (năm trăm ba mươi hai triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng). Ngoài ra bà N có đưa cho ông Phan C1 ứng số tiền 25.000.000 đồng để trả tiền vận chuyển hàng hóa từ P ra S.

Ông Trần T và các nguyên đơn khác cũng mua với giá hành giống tại Ninh Thuận với giá 01 kg là 33.000 đ/kg và mỗi bao hành là 50 kg, cụ thể: ông T mua hành giống của bà Võ Thị M1 số lượng 05 bao, giá trị là 8.250.000 đồng (Tám triệu hai năm mươi ngàn đồng); bà Trần Thị L mua hành giống của bà Phan Thị L1 (C5) ở xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận với số lượng hành là 128 bao, tổng giá trị số tiền: 211.200.000 đồng (*Hai trăm mười một triệu hai trăm ngàn đồng*); ông Phùng Văn H1 có mua hành giống của bà Phan Thị L1 (C5) số lượng hành là 86 bao, giá trị số tiền: 141.900.000 đồng (*một trăm bốn mươi một triệu chín trăm ngàn đồng*); bà Võ Thị H có mua hành giống của bà Phan Thị L1 (C5) số lượng hành là 30 bao giá trị số tiền: 49.500.000 đồng (bốn mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng); bà Lê Thị D có mua hành giống của bà Nguyễn Thị Đ ở xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận với số lượng hành là 24 bao hành, giá trị số tiền: 39.600.000 đồng (*ba mươi chín triệu sáu trăm ngàn đồng*); bà Nguyễn Thị C có mua hành giống của bà Phạm Thị X ở Xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận với số lượng hành là 22 bao, giá trị số tiền: 36.300.000 đồng (*ba mươi sáu triệu ba trăm ngàn đồng*); bà Nguyễn Thị M có mua hành giống của bà Võ Thị M1 số lượng hành là 40 bao, giá trị số tiền: 66.000.000 đồng (*sáu mươi sáu triệu đồng*) và mua hành giống của bà Phạm Thị D1 ở xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận với số lượng hành là 33 bao, giá trị số tiền: 54.450.000 đồng (năm mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng), Tổng giá trị là: 120.450.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng); bà Bùi Thị T1 có mua hành giống của bà Phan Thị L1 số lượng hành là 44 bao giá trị số tiền: 72.600.000 đồng (*Bảy mươi hai triệu sáu trăm ngàn đồng*).

Tất cả các số lượng hàng nói trên đều do ông Trần Đắc T7 nhận hàng hóa ở Ninh Thuận vào ngày 28/3/2019 và chở về Cảng S vào ngày 29/3/2019 để giao hàng cho tàu Lý Sơn 09 vận chuyển ra Cảng L trong cùng ngày và được ông Trần Đắc T7 thừa nhận tại Biên bản lấy lời khai vào ngày 07/02/2023 tại nhà ông Cao Thành Q1 Trưởng thôn C và có xác nhận của UBND xã T.

Ngày 29/3/2019, bà N cùng những nguyên đơn có tên nêu trên có gửi hàng là hành giống theo số lượng nêu trên cho tàu số Lý Sơn 09 xuất bến lúc 13 giờ 30 phút để vận chuyển từ Cảng S ra Cảng L. Qua trao đổi miệng với ông Dương Quang Q là chủ tàu Lý Sơn 09 mang ký hiệu 0032VT, ông Nguyễn Văn T2 là thuyền trưởng cùng các thuyền viên khác là ông Ngô T3, ông Phan C1, ông Lê Sơn H2, ông Ngô C3, ông Huỳnh Văn T8. Nhưng không hiểu sao hôm đó tàu xuất bến chậm (14 giờ mới xuất bến) và đến khoảng hơn 17 giờ cùng ngày thì bà N nhận được tin tàu Lý Sơn 09 bị chìm ngoài biển. Thời tiết hôm đó bình thường. Sau khi sự việc xảy ra những người bị thiệt hại và chủ tàu và các cổ phần hùn tàu đã ngồi nói chuyện với nhau. Các nguyên đơn cũng muốn chia sẻ những thiệt hại

nên đã thống nhất thỏa thuận và lập biên bản vào ngày 03/6/2020 với nội dung, các nguyên đơn là các ông, bà Ngô Thị N, Lê Thị D, Bùi Thị T1, Trần T, Phùng Văn H1, Trần Thị L, Võ Thị H, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị C; bị đơn là ông Dương Quang Q cùng với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông Ngô T3, Phan C1, Ngô C3, Lê Sơn H2 (những người này có phần hùn) và ông Nguyễn Văn T2 là thuyền trưởng (không có phần hùn), ông Dương Quang C2 cùng ký tên vào biên bản thỏa với nội dung thống nhất với nhau về việc bồi thường thiệt hại 40% trong tổng thiệt hại (1.236.437.000đ) thành tiền là 494.574.800 đ (*Bốn trăm chín mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm đồng*). Ngoài ra, ông Đặng Văn T4, Huỳnh Văn T8 không có mặt và không ký trong biên bản thỏa thuận này. Nhưng do chủ tàu và các cổ phần không chịu thực hiện. Vì vậy, chúng tôi làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Quang Q và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Ngô T3, ông Phan C1, ông Đặng Văn T4, ông Lê Sơn H2, ông Ngô C3, ông Huỳnh Văn T8 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bà Ngô Thị N, ông Trần T, ông Phùng Văn H1, bà Trần Thị L, bà Võ Thị H, bà Lê Thị D, bà Nguyễn Thị C, bà Bùi Thị T1, bà Nguyễn Thị M với tổng số tiền bị thiệt hại là 1.237.750.000đ (*một tỷ hai trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

Nay các nguyên đơn chỉ yêu cầu bồi thường số tiền 1.212.750.000đ (*một tỷ hai trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*)

Trong đơn khởi kiện bà N có yêu cầu số tiền 25.000.000 đồng là tiền bà N đưa cho ông Phan C1 ứng để trả tiền vận chuyển cho ông Trần Đắc T7, ông Trần Đắc T7 đã nhận tiền. Trong quá trình giải quyết bà N có đơn xin rút đối với yêu cầu 25.000.000 đồng tiền vận chuyển. Tại phiên tòa bà N giữ nguyên ý kiến về việc xin rút yêu cầu đối với số tiền 25.000.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện các nguyên đơn có yêu cầu ông Nguyễn Văn T2 (thuyền trưởng tàu Lý Sơn 09) và ông Dương Quang C2 cùng có trách nhiệm bồi thường. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm các nguyên đơn không yêu cầu ông T2 và ông C2 vì hai ông không có phần hùn vốn. Tại Bản án số 01/2023/DS –ST ngày 17/3/2023 nhận định: Ông Q khai là ông có hùn vốn 02 phần/08 phần hùn vốn vào con tàu Lý Sơn 09, nhưng ông đã cho con trai là ông Dương Quang C2 01 phần hùn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập ông C2 đến tòa án làm việc nhưng ông C2 không đến, mặc khác ông Q cũng không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ông đã cho ông Dương Quang C2 phần hùn vốn của ông nên không có cơ sở về việc ông Q đã cho ông Dương Quang C2 01 phần hùn vốn nên ông phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại tương ứng với hai phần hùn của mình.

Ông Q kháng cáo, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm ông Q cung cấp Biên bản thỏa thuận góp vốn tàu Lý Sơn 09 ngày 20/3/2017 thể hiện nội dung phiên họp để xác định lại và thống nhất phần góp vốn cụ thể: Ông Dương Quang Q 01 phần; ông Dương Quang C2 01 phần; Đặng Văn T4 2,5 phần; Phan Chơi 01 phần; Ngô Còn 01 phần; Ngô Tâm 0,5 phần; Lê Sơn H2 0,5 phần, Huỳnh Ngọc

T5 0,5 phần.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/8/2023, ông Dương Quang C2 trình bày: Tàu Lý Sơn 09 (Ký hiệu 0032VT) có tổng cộng 08 người góp vốn để đóng tàu. Trong đó ông C2 đóng góp 01 phần vốn góp, còn ông Dương Quang Q chỉ đóng góp 01 phần vốn góp không đóng góp 02 phần. Việc thỏa thuận góp vốn này đã được thể hiện tại Biên bản thỏa thuận góp vốn tàu Lý Sơn 09 (Ký hiệu 0032VT) ngày 20/3/2017. Ông đồng ý đền bù thiệt hại hàng hóa cho các nguyên đơn đã gửi hàng trên tàu Lý Sơn 09 tương ứng với 01 phần vốn góp của ông. Về thiệt hại thực tế của các nguyên đơn là bao nhiêu thì ông không rõ, và ông C2 không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến thiệt hại của các nguyên đơn.

Các nguyên đơn bà Ngô Thị N, ông Trần T, ông Phùng Văn H1, bà Trần Thị L, bà Võ Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Bùi Thị T1, bà Nguyễn Thị M thống nhất với lời trình bày trên và không bổ sung gì thêm.

* Bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng không đến Tòa án làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến gởi cho Tòa án nên Tòa án không thể hòa giải vụ án được.

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2023/DS-ST ngày 17 tháng 3 năm 2023, Quyết định số 01/2023/QĐ-SCBSBA ngày 28/3/2023 và Quyết định số 02/2023/QĐ – SCBSBA ngày 31/3/2023 sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm, của Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi đã tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Buộc: Ông Dương Quang Q, ông Đặng Văn T4, ông Phan C1, ông Ngô C3, ông Ngô T3, ông Lê Sơn H2, ông Huỳnh Văn T8 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại (tương ứng với phần hùn góp vốn) cho bà Ngô Thị N, bà Lê Thị D, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M, bà Trần Thị L, bà Võ Thị H, bà Bùi Thị T1, ông Trần T, ông Trần Văn H3 với tổng số tiền là: 1.212.750.000đ (một tỷ, hai trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng). *Cụ thể:*

- Ông **Dương Quang Q** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 303.187.500 đồng (Ba trăm lẻ ba triệu một trăm tám bảy nghìn năm trăm đồng). *Cụ thể:* Ông Dương Quang Q phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 133.237.500 (Một trăm ba mươi ba triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng); bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 30.112.500 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 9.075.000 đồng; bồi thường cho ông Trần T 2.062.500 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 9.900.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 52.800.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 12.375.000 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 18.150.000 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 35.475.000 đồng.

- Ông **Đặng Văn T4** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 378.984.375 đồng (Ba trăm bảy mươi tám triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn ba

trăm bảy mươi lăm đồng). Cụ thể: ông Đặng Văn T4 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 166.546.875 (Một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng); bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 37.640.625 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 11.343.750 đồng; bồi thường cho ông Trần T 2.578.125 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 12.375.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 66.000.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 15.468.750 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 22.687.500 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 44.343.750 đồng.

- Ông **Phan C1** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 151.593.750 đồng (Một trăm năm mươi một triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Cụ thể: ông Phan C1 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 66.618.750 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 15.056.250 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Trần T 1.031.250 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 4.950.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 26.400.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 6.187.500 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 9.075.000 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 17.737.500 đồng.

- Ông **Ngô C3** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 151.593.750 đồng (Một trăm năm mươi một triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Cụ thể: Ông Ngô C3 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 66.618.750 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 15.056.250 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Trần T 1.031.250 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 4.950.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 26.400.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 6.187.000 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 9.075.000 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 17.737.500 đồng.

- Ông **Ngô T3** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 75.796.875 (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Cụ thể: ông Ngô T3 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 33.309.375 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 7.528.125 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 2.268.750 đồng; bồi thường cho ông Trần T 515.625 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 2.475.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 13.200.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 3.093.750 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 8.868.750 đồng.

- Ông **Lê Sơn H2** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 75.796.875 (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng).Cụ thể: ông Lê Sơn H2 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 33.309.375 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 7.528.125 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 2.268.750 đồng; bồi thường cho ông Trần T 515.625 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 2.475.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 13.200.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 3.093.750 đồng; bồi

thường cho bà Bùi Thị T1 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 8.868.750 đồng.

- Ông **Huỳnh Ngọc T5** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 75.796.875 (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Cụ thể: ông Lê Sơn H2 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 33.309.375 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 7.528.125 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 2.268.750 đồng; bồi thường cho ông Trần T 515.625 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 2.475.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 13.200.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 3.093.750 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 8.868.750 đồng.

Đình chỉ đối với yêu cầu bà Ngô Thị N yêu cầu ông Phan C1 phải trả lại số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng)

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc:

- Ông Dương Quang Q phải chịu 15.159.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Đặng Văn T4 phải chịu 18.949.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Phan C1 phải chịu 7.580.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Ngô C3 phải chịu 7.580.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Ngô T3 phải chịu 3.790.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Lê Sơn H2 phải chịu 3.790.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Huỳnh Văn T8 phải chịu 3.970.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 27/4/2023 , bị đơn là ông Dương Quang Q có Đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại phần vốn góp đúng với thực tế góp vốn và giá trị đền bù thiệt hại tương ứng với phần vốn góp của ông; xác định lại chính xác giá trị, số lượng hàng hóa mà các nguyên đơn đã gửi cho tàu Lý Sơn 09; đính chính lại nội dung trong bản án sơ thẩm về việc nguyên đơn có trao đổi bằng lời nói với ông về việc có gửi hàng tại Tàu Lý Sơn 09;

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Q rút một phần kháng cáo không yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại chính xác giá trị, số lượng hàng hóa mà các nguyên đơn đã gửi cho tàu Lý Sơn 09.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn ông Trần T, ông Phùng Văn H1 và người đại diện theo ủy quyền của các nguyên đơn bà Võ Thị H, Lê Thị D, Nguyễn Thị C, Bùi Thị T1, Nguyễn Thị M là bà Ngô Thị N đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông Q, sửa bản án sơ thẩm về phần vốn

góp của ông Dương Quang Q, chấp nhận để ông Dương Quang C2 bồi thường thiệt hại cho các nguyên đơn tương ứng theo 01 phần vốn góp của ông C2.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của ông Dương Quang Q đã có Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và nội dung đơn đảm bảo các quy định tại Điều 271, 272 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm số 01/2023/DS – ST ngày 17/3/2-23 của Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn theo hướng: Xác định Tàu vận tải L 09, số đăng ký QNg 0032VT, công suất 300 CV do ông Dương Quang Q làm chủ, có 08 phần vốn góp cụ thể như sau: Ông Dương Quang Q làm chủ, có 08 phần vốn góp cụ thể như sau: Ông Dương Quang Q 01 phần, ông Dương Quang C2 01 phần, ông Đặng Văn T4 2,5 phần, ông Phan C1 01 phần, ông Ngô C3 01 phần, ông Ngô T3 0,5 phần, ông Lê Sơn H2 0,5 phần; Huỳnh Ngọc T5: 0,5 phần, phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại về số tiền do hàng hóa là hàng giống bị thiệt hại: 1.212.750.000 đồng tương ứng với phần vốn góp cho các ông bà Ngô Thị N, Trần T, Trần Thị L, Võ Thị H, Lê Thị D, Nguyễn Thị C, Bùi Thị T1, Phùng Văn H1, Nguyễn Thị M. Đối với việc bà N trình bày tại phiên tòa sơ thẩm là có trao đổi bằng miệng với ông Q về việc có gửi hành tại tàu Lý Sơn 09: Đây chỉ là lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử không nhận định vào bản án nên không có cơ sở đính chính như yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Trong vụ án này, các bên đương sự không thỏa thuận về việc trả lãi, tuy nhiên tại phần quyết định của bản án sơ thẩm lại tuyên: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là chưa chính xác, cần phải sửa lại cách tuyên cho đúng quy định của pháp luật. Các phần khác của bản án không kháng cáo nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Việc kháng cáo của ông Dương Quang Q đã có Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 03/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 06 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và nội dung đơn đảm bảo các quy định tại Điều 271, 272, 275 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông Nguyễn Văn T2, Ngô T3, Lê Sơn H2, Dương Quang C2, Ngô C3, Huỳnh Ngọc T5 đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự, có cơ sở xác định:

Vào ngày 29/3/2019, Tàu Lý Sơn 09 do ông Dương Quang Q làm chủ tàu, ông Nguyễn Văn T2 làm thuyền trưởng và ông Ngô T3 là máy trưởng, trên tàu gồm có 07 người gồm ông Nguyễn Văn T2, Phan C1, Ngô T3, Lê Sơn H2, Đặng T9, Lê T10, Đặng Văn N1 đi trên tàu và có nhận chuyển khoảng 48 tấn hàng hóa, vật liệu xây dựng, trong đó có hành giống của các nguyên đơn nói trên nhưng không có viết giấy hay hợp đồng gì chỉ nói bằng miệng và khi nào vận chuyển từ cảng S về đến Cảng L mới nhận tiền chi phí. Vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 29/3/2019 tàu vận tải Lý Sơn 09 xuất bến tại Cảng S, tàu đang trên đường hành trình đi L, đến tọa độ 15009’N-109003’E (Cách đảo L khoảng 4,5 hải lý về hướng T thì bị chìm). Theo thuyền trưởng và các thuyền viên do sóng đánh làm vỡ mạng tàu phía sau dẫn đến nước tràn vào tàu và bị chìm ngay. Tuy nhiên, thời điểm xảy ra vụ việc tàu Lý Sơn 09 hoạt động trong điều kiện thời tiết bình thường (gió cấp 03, cấp 04); Động cơ của tàu không bị hỏng, do vậy khả năng tàu vận chuyển quá số lượng hàng hóa quy định nên dẫn đến chìm tàu.

Theo quy định tại Điều 530, 531 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng vận chuyển là sự thỏa thuận giữa các bên. Hình thức hợp đồng được giao kết bằng văn bản, bằng lời nói hoặc được xác lập bằng hành vi cụ thể. Theo đó, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thừa nhận có vận chuyển hành của nguyên đơn từ cảng L ra cảng S. Theo quy định tại Điều 534 Bộ luật dân sự năm 2015 nghĩa vụ của bên vận chuyển phải bảo đảm vận chuyển tài sản đầy đủ, an toàn đến địa điểm đã định, theo đúng thời hạn. Bồi thường thiệt hại cho bên thuê vận chuyển trong trường hợp vận chuyển để mất mát, hư hỏng tài sản. Như vậy, tàu Lý Sơn 09 vì chở quá tải nên dẫn đến sự cố tàu chìm là lỗi hoàn toàn của tàu Lý Sơn 09. Theo Điều 541 của Bộ luật dân sự 2015 quy định về Trách nhiệm bồi thường: Bên vận chuyển phải bồi thường thiệt hại cho bên thuê vận chuyển nếu để tài sản bị mất mát hoặc hư hỏng. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 536 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo lời khai của những người bán số lượng hành giống cho các nguyên đơn là bà Phan Thị L1, sinh năm 1976, bà Đinh Thị Mai T6, sinh năm 1968 đều ở xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận tại UBND xã T có xác nhận của UBND xã T; bà Võ Thị M1, sinh năm 1971, bà Phạm Thị X, sinh năm 1956, bà Phạm Thị P, sinh năm 1978, bà Phạm Thị D1, sinh năm 1954 và bà Trương Thị Đ1, sinh năm 1963 đều ở thôn M, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận và có xác nhận của UBND xã N, huyện N đều xác định ngày 28/3/2019 có bán số lượng hàng cụ thể tương ứng nói

trên cho các nguyên đơn và giao cho ông Trần Đắc T7 nhận hàng và chịu trách nhiệm vận chuyển ra Cảng S-Quảng Ngãi để về đảo L. Theo lời khai của ông Trần Đắc T7 (BL 361 -362) đã xác định nhận hàng từ các nơi các nguyên đơn đã mua tổng số lượng 36.750 kg hành (735 bao hành x 50 kg/bao hành = 36.750 kg hành), sau đó thuê 03 xe vận chuyển xuất phát từ ngày 28/3/2019 tại xã N, huyện M, tỉnh Ninh Thuận đến sáng ngày 29/3/2019 các xe đã đến C - Thành phố Q. Đồng thời, có xác nhận của 02 nhân viên của ban Q3 khai vào ngày 29/3/2019 có bốc xếp 860 bao hành giống có trọng lượng từ 30 – 50 kg từ xe vận chuyển hàng hóa ở P ra cảng S để bốc xếp xuống tàu Lý Sơn 09 vận chuyển ra L. Do đó, vào ngày 29/3/2019, các nguyên đơn có gửi số lượng hàng hành giống nói trên cho tàu Lý Sơn 09 vận chuyển ra Cảng L là có căn cứ.

Các nguyên đơn đã xuất trình hóa đơn mua hàng hóa. Và theo kết quả làm việc tại Đ2 thì chủ tàu và những người hùn vốn của tàu Lý Sơn 09 đã chấp nhận thống nhất về số lượng về thiệt hại Tuy nhiên về mức độ bồi thường thì chưa thống nhất.

Vào ngày 03/6/2020, các nguyên đơn, bị đơn và những người hùn vốn góp vào con tàu Lý Sơn 09 đã có biên bản thỏa thuận bồi thường nhưng bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng cam kết.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm đã xác định số lượng hàng hóa và mức độ thiệt hại để xác định số tiền cần phải bồi thường cho các nguyên đơn là: 1.212.750.000 đồng (36.750 kg hành x 33.000 đồng/kg = 1.212.750.000đ) đồng thời buộc ông Dương Quang Q và những thành viên góp vốn là ông Đặng Văn T4, ông Phan C1, ông Ngô C3, ông Ngô T3, ông Lê Sơn H2, ông Huỳnh Ngọc T5 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do hành giống bị thiệt hại 100% là hoàn toàn có cơ sở.

[2.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Q rút một phần kháng cáo không yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại chính xác giá trị, số lượng hàng hóa mà các nguyên đơn đã gửi cho tàu Lý Sơn 09. Căn cứ vào khoản 3 Điều 298 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần kháng cáo này của ông Q2.

[2.3] Xét kháng cáo của ông Dương Quang Q: Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại phần vốn góp đúng với thực tế góp vốn và giá trị đền bù thiệt hại tương ứng với phần vốn góp của ông;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Theo báo cáo kết quả điều tra, xác minh tàu vận tải Lý Sơn 09 của Đoàn Biên phòng Đ2 số 263/BC-ĐLS ngày 21/4/2019 và sự thừa nhận của các ông Dương Quang Q, Ngô T3, Phan C1 xác định: Tàu vận tải L 09, số đăng ký QNg 0032, công suất 300 CV do ông Dương Quang Q làm chủ, ông Nguyễn Văn T2 làm thuyền trưởng và ông Ngô T3 làm máy trưởng; Tàu Lý Sơn là tàu cổ phần 07 người hùn vốn tham gia đóng vào năm 1998, chia làm 08 phần, cụ thể như sau: Ông Dương Quang Q 02 phần; Đặng Văn T4 2,5 phần; Phan Chơi 01 phần; Ngô Còn 01 phần; Ngô Tâm 0,5 phần; Lê Sơn H2 0,5 phần, Huỳnh Ngọc T5 0,5 phần. Riêng ông Đặng Văn T4 có thừa

nhận có hùn vốn vào con Tàu nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu, còn đối với Ngô C3 và Huỳnh Ngọc T5 không có lời khai về phần hùn như thế nào tại Đ2 năm 2019 và trong quá trình Tòa án triệu tập họp lệ nhưng các ông không đến Tòa án làm việc hay có ý kiến gì. Căn cứ khoản 2 Điều 91 BLTTDS quy định: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*” và căn cứ vào khoản 2 Điều 92 BLTTDS quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệu tập họp lệ nhiều lần để đến Tòa án giải quyết vụ án nói trên nhưng các ông không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không cung cấp cho Tòa án những tài liệu chứng cứ cũng như không có ý kiến gì về khoản bồi thường thiệt hại mà các nguyên đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại xảy ra.

Tại Bản án số 01/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: Ông Q khai là ông có hùn vốn 02 phần/08 phần hùn vốn vào con tàu Lý Sơn 09, nhưng ông đã cho con trai là ông Dương Quang C2 01 phần hùn, tuy nhiên trong quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập ông C2 đến tòa án làm việc nhưng ông C2 không đến, mặt khác ông Q cũng không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc ông đã cho ông Dương Quang C2 phần hùn vốn của ông nên không có cơ sở về việc ông Q đã cho ông Dương Quang C2 01 phần hùn vốn, nên ông Q phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại tương ứng với hai phần hùn của mình. Do đó, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm buộc ông Dương Quang Q và những thành viên góp vốn là ông Đặng Văn T4, ông Phan C1, ông Ngô C3, ông Ngô T3, ông Lê Sơn H2, ông Huỳnh Văn T8 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại do hành vi giống bị thiệt hại 100% là 1.212.750.000đ (*một tỷ, hai trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*). Chia thành phần hùn góp vốn cổ phần 07 người hùn vốn tham gia đóng vào và chia làm 08 phần, cụ thể: Ông Dương Quang Q 02 phần; ông Đặng Văn T4 2,5 phần; ông Phan C1 01 phần; ông Ngô C3 01 phần; ông Ngô T3 0,5 phần; ông Lê Sơn H2 0,5 phần, ông Huỳnh Ngọc T5 0,5 phần là hoàn toàn có cơ sở.

Ông Q kháng cáo, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm ông Q cung cấp Biên bản thỏa thuận góp vốn tàu Lý Sơn 09 ngày 20/3/2017 thể hiện nội dung phiên họp để xác định lại và thống nhất phần góp vốn cụ thể: Ông Dương Quang Q 01 phần; ông Dương Quang C2 01 phần; Đặng Văn T4 2,5 phần; Phan Chơi 01 phần; Ngô Còn 01 phần; Ngô Tâm 0,5 phần; Lê Sơn H2 0,5 phần, Huỳnh Ngọc T5 0,5 phần.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 11/8/2023 và tại phiên tòa cấp phúc thẩm ông Dương Quang C2 trình bày: Tàu Lý Sơn 09 (Ký hiệu 0032VT) có tổng cộng 08 người góp vốn để đóng tàu. Trong đó ông C2 đóng góp 01 phần vốn góp, còn ông Dương Quang Q chỉ đóng góp 01 phần vốn góp không đóng góp 02 phần. Việc thỏa thuận góp vốn này đã được thể hiện tại Biên bản thỏa thuận góp

vốn tàu Lý Sơn 09 (Ký hiệu 0032VT) ngày 20/3/2017. Ông đồng ý đền bù thiệt hại hàng hóa cho các nguyên đơn đã gửi hàng trên tàu Lý Sơn 09 tương ứng với phần vốn góp của ông cụ thể là 01 phần vốn góp. Về thiệt hại thực tế của các nguyên đơn là bao nhiêu thì ông không rõ và ông C2 không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến thiệt hại của các nguyên đơn. Đồng thời, tại cấp phúc thẩm các nguyên đơn đồng ý xác định lại ông Dương Quang Q chỉ đóng góp 01 phần, ông Dương Quang C2 đóng góp 01 phần và đồng ý để ông Dương Quang Q, Dương Quang C2 bồi thường thiệt hại tương ứng với phần vốn góp riêng của từng người.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xác định lại: Thành phần vốn góp vốn cổ phần 08 người và chia làm 08 phần, cụ thể ông Dương Quang Q 01 phần; ông Dương Quang C2 01 phần; ông Đặng Văn T4 2,5 phần; ông Phan C1 01 phần; ông Ngô C3 01 phần; ông Ngô T3 0,5 phần; ông Lê Sơn H2 0,5 phần, ông Huỳnh Ngọc T5 0,5 phần. Đồng thời xác định lại số tiền đền bù thiệt hại tương ứng với phần vốn góp của ông Q, ông C2 cụ thể như sau:

1. Đối với yêu cầu của bà Ngô Thị N yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền hàng hóa do bị thiệt hại 532.950.000 đồng. Chia theo phần vốn mỗi phần vốn tương ứng phải có trách nhiệm bồi thường là 66.618.750 đồng. Do đó tương ứng với số phần vốn thì: Ông Dương Quang Q 01 phần vốn nên phải bồi thường số tiền là 66.618.750 đồng. Ông Dương Quang C2 01 phần vốn nên phải bồi thường số tiền là 66.618.750 đồng.

2. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị M yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền hàng hóa do bị thiệt hại 120.450.000 đồng. Chia theo phần vốn mỗi phần vốn tương ứng phải có trách nhiệm bồi thường là 15.056.250 đồng. Do đó tương ứng với số phần vốn thì: Ông Dương Quang Q 01 phần vốn nên phải bồi thường số tiền là 15.056.250 đồng. Ông Dương Quang C2 01 phần vốn nên phải bồi thường số tiền là 15.056.250 đồng.

3. Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị C yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền hàng hóa do bị thiệt hại 36.300.000 đồng. Chia theo phần vốn mỗi phần vốn tương ứng phải có trách nhiệm bồi thường là 4.537.500 đồng. Do đó tương ứng với số phần vốn thì: Ông Dương Quang Q 01 phần vốn nên phải bồi thường số tiền 4.537.500 đồng; Ông Dương Quang C2 01 phần vốn nên phải bồi thường số tiền 4.537.500 đồng.

4. Đối với yêu cầu của ông Trần T yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền hàng hóa do bị thiệt hại 8.250.000 đồng. Chia theo phần vốn mỗi phần vốn tương ứng phải có trách nhiệm bồi thường là 1.031.250 đồng. Do đó tương ứng với số phần vốn thì: Ông Dương Quang Q 01 phần vốn nên phải bồi thường số tiền 1.031.250 đồng. Ông Dương Quang C2 01 phần vốn nên phải bồi thường số tiền 1.031.250 đồng.

5. Đối với yêu cầu của bà Lê Thị D yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền hàng hóa do bị thiệt hại 39.600.000 đồng. Chia theo phần vốn mỗi phần vốn tương ứng phải có trách nhiệm bồi thường là 4.950.000 đồng. Do đó tương ứng

với số phân hùn thì: Ông Dương Quang Q 01 phân hùn nên phải bồi thường số tiền 4.950.000 đồng. Ông Dương Quang C2 01 phân hùn nên phải bồi thường số tiền 4.950.000 đồng.

6. Đối với yêu cầu của bà Trần Thị L yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền tương ứng phải có trách nhiệm bồi thường là 26.400.000 đồng. Do đó tương ứng với số phân hùn thì: Ông Dương Quang Q 01 phân hùn nên phải bồi thường số tiền 26.400.000đồng. Ông Dương Quang C2 01 phân hùn nên phải bồi thường số tiền 26.400.000đồng.

7. Đối với yêu cầu của bà Võ Thị H yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền hàng hóa do bị thiệt hại 49.500.000 đồng. Chia theo phần hùn mỗi phần hùn tương ứng phải có trách nhiệm bồi thường là 6.187.500 đồng. Do đó, tương ứng với số phân hùn thì: Ông Dương Quang Q 01 phân hùn nên phải bồi thường số tiền 6.187.500 đồng. Ông Dương Quang C2 01 phân hùn nên phải bồi thường số tiền 6.187.500 đồng.

8. Đối với yêu cầu của bà Bùi Thị T1 yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền hàng hóa do bị thiệt hại 72.600.000 đồng. Chia theo phần hùn mỗi phần hùn tương ứng phải có trách nhiệm bồi thường là 9.075.000 đồng. Do đó tương ứng với số phân hùn thì: Ông Dương Quang Q 01 phân hùn nên phải bồi thường số tiền 9.075.000 đồng. Ông Dương Quang C2 01 phân hùn nên phải bồi thường số tiền 9.075.000 đồng.

9. Đối với yêu cầu của ông Phùng Văn H1 yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền hàng hóa do bị thiệt hại 141.900.000 đồng. Chia theo phần hùn mỗi phần hùn tương ứng phải có trách nhiệm bồi thường là 17.737.500 đồng. Do đó tương ứng với số phân hùn thì: Ông Dương Quang Q 01 phân hùn nên phải bồi thường số tiền 17.737.500 đồng. Ông Dương Quang C2 01 phân hùn nên phải bồi thường số tiền 17.737.500 đồng.

Như vậy:

- Ông **Dương Quang Q** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 151.593.750 đồng (một trăm năm mươi một triệu chín trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) Cụ thể: Ông Dương Quang Q phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 66.618.750 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 15.056.250đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Trần T 1.031.250 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 4.950.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 26.400.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 6.187.500 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 9.075.000 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 17.737.500 đồng.

- Ông **Dương Quang C2** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 151.593.750 đồng (một trăm năm mươi một triệu chín trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng) Cụ thể: Ông Dương Quang C2 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 66.618.750 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 15.056.250đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 4.537.500 đồng; bồi thường

cho ông Trần T 1.031.250 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 4.950.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 26.400.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 6.187.500 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 9.075.000 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 17.737.500 đồng.

[2.4] Xét kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử đính chính lại nội dung trong bản án sơ thẩm về việc nguyên đơn có trao đổi bằng lời nói với ông về việc có gửi hành tại Tàu L 09;

Tại mục [2.6] phân nhận định của bản án sơ thẩm: có ghi: "... Theo đó phía nguyên đơn đã làm việc bằng miệng với chủ tàu Lý Sơn 09 về việc gửi hành giống vận chuyển từ Cảng L ra cảng S và hai bên đã thống nhất..."

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Ngô Thị N vẫn khẳng định bà có trao đổi bằng lời nói với chủ tàu Lý Sơn 09 về việc gửi hành giống vận chuyển từ Cảng L ra cảng S và hai bên đã thống nhất. Tuy nhiên, đây chỉ là trình bày ý kiến của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm không căn cứ vào ý kiến trình bày này để làm căn cứ quyết định của bản án và cũng không xem lời trình bày này là tài liệu chứng cứ của vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo này của ông Q.

[3] Các bên đương sự không thoả thuận về việc trả lãi trong trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản nhưng cấp sơ thẩm lại tuyên xử về quyết định lãi, lãi suất: "Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015" là không chính xác nên Hội đồng xét xử sửa lại cách tuyên: "Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015."

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngày 31/8/2023, ông Dương Quang Q có đơn xin miễn nộp tiền án phí vì ông là người cao tuổi thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ông Dương Quang Q được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm và vì Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên ông Q không chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông Dương Quang Q đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên hoàn trả lại cho ông Q 300.000 đồng ông Q đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005262 ngày 12/6/2023 tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện L.

[5] Các phần khác của Bản án số 01/2023/DS- ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là phù hợp với nhận định trên và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 148, khoản 3 Điều 298, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ –HĐTP ngày 11/01/2019 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Dương Quang Q; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2023/DS-ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Buộc: Ông Dương Quang Q, ông Dương Quang C2, ông Đặng Văn T4, ông Phan C1, ông Ngô C3, ông Ngô T3, ông Lê Sơn H2, ông Huỳnh Ngọc T5 phải có trách nhiệm liên đới bồi thường toàn bộ thiệt hại (tương ứng với phần hùn góp vốn) cho bà Ngô Thị N, bà Lê Thị D, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị M, bà Trần Thị L, bà Võ Thị H, bà Bùi Thị T1, ông Trần T, ông Trần Văn H3 với tổng số tiền là: 1.212.750.000đ (*một tỷ, hai trăm mười hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng. Cụ thể:*

- Ông **Dương Quang Q** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 151.593.750 đồng (một trăm năm mươi một triệu chín trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Cụ thể: Ông Dương Quang Q phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 66.618.750 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 15.056.250đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Trần T 1.031.250 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 4.950.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 26.400.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 6.187.500 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 9.075.000 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 17.737.500 đồng.

- Ông **Dương Quang C2** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 151.593.750 đồng (một trăm năm mươi một triệu chín trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Cụ thể: Ông Dương Quang C2 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 66.618.750 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 15.056.250đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Trần T 1.031.250 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 4.950.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 26.400.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị

H 6.187.500 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 9.075.000 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 17.737.500 đồng.

- Ông **Đặng Văn T4** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 378.984.375 đồng (ba trăm bảy mươi tám triệu chín trăm tám mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi lăm đồng). Cụ thể: ông Đặng Văn T4 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 166.546.875 (một trăm sáu mươi sáu triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng); bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 37.640.625 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 11.343.750 đồng; bồi thường cho ông Trần T 2.578.125 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 12.375.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 66.000.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 15.468.750 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 22.687.500 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 44.343.750 đồng.

- Ông **Phan C1** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 151.593.750 đồng (một trăm năm mươi một triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Cụ thể: ông Phan C1 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 66.618.750 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 15.056.250 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Trần T 1.031.250 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 4.950.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 26.400.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 6.187.500 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 9.075.000 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 17.737.500 đồng.

- Ông **Ngô C3** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 151.593.750 đồng (một trăm năm mươi một triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Cụ thể: Ông Ngô C3 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 66.618.750 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 15.056.250 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Trần T 1.031.250 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 4.950.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 26.400.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 6.187.000 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 9.075.000 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 17.737.500 đồng.

- Ông **Ngô T3** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 75.796.875 (bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Cụ thể: ông Ngô T3 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 33.309.375 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 7.528.125 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 2.268.750 đồng; bồi thường cho ông Trần T 515.625 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 2.475.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 13.200.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 3.093.750 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 8.868.750 đồng.

- Ông **Lê Sơn H2** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 75.796.875 (bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Cụ thể: ông Lê Sơn H2 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà

Ngô Thị N 33.309.375 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 7.528.125 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 2.268.750 đồng; bồi thường cho ông Trần T 515.625 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 2.475.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 13.200.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 3.093.750 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 8.868.750 đồng.

- Ông **Huỳnh Ngọc T5** phải có trách nhiệm bồi thường tổng cộng số tiền là 75.796.875 (bảy mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng). Cụ thể: ông Lê Sơn H2 phải có trách nhiệm bồi thường cho bà Ngô Thị N 33.309.375 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị M 7.528.125 đồng; bồi thường cho bà Nguyễn Thị C 2.268.750 đồng; bồi thường cho ông Trần T 515.625 đồng; bồi thường cho bà Lê Thị D 2.475.000 đồng; bồi thường cho bà Trần Thị L 13.200.000 đồng; bồi thường cho bà Võ Thị H 3.093.750 đồng; bồi thường cho bà Bùi Thị T1 4.537.500 đồng; bồi thường cho ông Phùng Văn H1 8.868.750 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu bà Ngô Thị N yêu cầu ông Phan C1 phải trả lại số tiền 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

3. Các phần khác của Bản án số 01/2023/DS- ST ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Lý Sơn không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm:

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương Quang Q được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Dương Quang C2 phải chịu 7.580.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Đặng Văn T4 phải chịu 18.949.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Phan C1 phải chịu 7.580.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Ngô C3 phải chịu 7.580.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Ngô T3 phải chịu 3.790.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Lê Sơn H2 phải chịu 3.790.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
- Ông Huỳnh Ngọc T5 phải chịu 3.970.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Ngô Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.565.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000885 ngày 30/6/2022 của Chi cục THADS huyện L, tỉnh Quảng Ngãi.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Q được miễn án phí dân sự phúc thẩm. Ông Dương Quang Q đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên hoàn trả lại cho ông Q 300.000 đồng ông Q đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005262 ngày 12/6/2023 tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện L.

[5] Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[6] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND huyện Lý Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lý Sơn
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Túc

